TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 214/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Chi
Bà Phan Triều Tiên

- ***Thư ký phiên Tòa***: bà Võ Thị Mỹ Nhan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 –An Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 230/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa :

-*Nguyên đơn*: Chị Thạch L, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: khu phố Phước H 2, thị trấn G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố Phước H 2, xã G, tỉnh An Giang.

-*Bị đơn:* Anh Lê Nguyễn Thái H, sinh năm: 1995 (vắng mặt)
Nơi cư trú: khu phố N, thị trấn G, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã G, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Thạch L trình bày: Chị và anh Lê Nguyễn Thái H trước khi cưới nhau có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc nH dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh H thay đổi tính ý, sinh tật rượu chè rồi kiếm chuyện ghen tuông vô cớ. Bản thân chị cũng đã

lựa lời khuyên ngăn để anh H có thể sửa đổi mà chung sống hạnh phúc nH anh H không thay đổi có hành vi ngược đãi và bạo lực đối với chị. Chị cho rằng tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân hạnh phúc bền vững không thể nào đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh H. Về con chung, chị xác định chị và anh H có 01 con chung tên Lê Thạch Ngọc Tú H, sinh ngày 28/12/2018, hiện con đang sống với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con . Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Thái H không giao nộp bản khai thể hiện ý kiến hoặc có văn bản phản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị L và vắng mặt qua các lần mời của Tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: chị L và anh H tự tìm hiểu quen biết và được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Chị L yêu cầu ly hôn anh H vì xét thấy hiện tại hôn nhân của chị và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thẫn không thể nào hòa giải được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị L được ly hôn anh H. Về con chung, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên Lê Thạch Ngọc Tú Huỳnh, sinh ngày 28/12/2018. Xét thấy, con sống với chị L nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị xửu giao con chung Tú H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và nợ chung, chị L, anh H không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc chị L nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Thạch L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Nguyễn Thái H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi, con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang)

Chị Thạch L với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, riêng anh H là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh H nH vắng mặt qua các lần mời Tòa không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 –

An Giang căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L và anh H

[2]. Về nội dung vụ án :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xác định chị và anh H tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang) chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm chăm sóc giữa vợ và chồng dẫn đến mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, bản thân anh H cũng không có thiện chí để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh vắng mặt qua các lần mời của Tòa, hiện tại chị L xác định chị đã không còn sống chung với anh H nên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn H.

[2.2] Về con chung:

[2.2] Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có 01 người con chung tên Lê Thạch Ngọc Tú H, sinh ngày 28/12/2018. Hiện con được chị L xác định sống với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy, anh H không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị L nên có căn cứ để xác định con chung của chị L và anh H là cháu Lê Thạch Ngọc Tú Huỳnh. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh H không có ý kiến gì, nên xét yêu cầu về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L là có cơ sở, bởi cháu H hiện sống với chị L cháu vẫn phát triển bình thường như các trẻ em khác, được chăm sóc, học hành anh H không có phản đối về việc chị L nuôi con không tốt nên áp dụng Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nH được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013086 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi

cục thi hành án dân huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 -–An Giang) . Chị L đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch L được ly hôn với anh Lê Nguyễn Thái H

2. Về con chung: xử giao cháu Lê Thạch Ngọc Tú H, sinh ngày 28/12/2018 là con chung của anh H và chị L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L, anh H không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Buộc chị Thạch L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nH được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Hương đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số số 0013086 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 -–An Giang). Chị L đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được tống dạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5 – An Giang;*
- *Phòng THADS khu vực 5- An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã ;*
- *Lưu HS, VP.*